

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU
TƯ
Số: 98/BKH-PLĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hành nghề dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996;

Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Pháp luật - Đầu tư nước ngoài;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hành nghề dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài.

Điều 2.- Quyết định này thay thế Quyết định số 209/HTĐT-VP ngày 14 tháng 4 năm 1990 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

QUY CHẾ

HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ TƯ VẤN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 98/BKH-PLĐT
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19 tháng 4 năm 1997)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Tư vấn đầu tư nước ngoài là hoạt động cung cấp các dịch vụ tư vấn cho nhà đầu tư liên quan đến việc hình thành, xây dựng và triển khai thực hiện dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2

Doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài phải có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi là "Chứng chỉ hành nghề") do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp theo quy định của Quy chế này.

Điều 3

Đối tượng được xét cấp Chứng chỉ hành nghề gồm: doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp thành lập theo Luật Công ty, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi là doanh nghiệp) có chức năng hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn.

Điều 4

Doanh nghiệp Việt Nam được xét cấp Chứng chỉ hành nghề phải có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Được thành lập theo quy định của pháp luật và đã đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn tại cơ quan có thẩm quyền.
- b) Có đội ngũ nhân viên và công tác viên có phẩm chất đạo đức tốt và trình độ chuyên môn sâu về pháp luật, kinh tế, công nghệ, kỹ thuật và ngoại ngữ, đáp ứng được các yêu cầu tư vấn đầu tư; đặc biệt là chuyên môn liên quan đến triển khai thực hiện dự án đầu tư nước ngoài như: thiết kế công trình xây dựng, chuyển giao công nghệ, tài chính, xuất nhập khẩu, cung ứng lao động...
- c) Có đủ vốn, cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài;
- d) Được cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề.

Điều 5

Doanh nghiệp đã được cấp Chứng chỉ hành nghề có thể hợp tác với tổ chức tư vấn đầu tư nước ngoài theo hình thức doanh nghiệp liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh để tiến hành các hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài.

Bên hoặc các bên nước ngoài tham gia Doanh nghiệp liên doanh, Hợp đồng hợp tác kinh doanh dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài phải là tổ chức tư vấn đầu tư chuyên nghiệp, có uy tín và năng lực hành nghề dịch vụ tư vấn đầu tư; có khách hàng hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Thủ tục thành lập, tổ chức hoạt động, quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên doanh và các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài theo qui định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và pháp luật có liên quan.

Điều 6

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quản lý Nhà nước đối với hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài, có thẩm quyền cấp hoặc thu hồi Chứng chỉ hành nghề, Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh dịch vụ tư vấn đầu tư; thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài phù hợp với mục tiêu quy định trong Chứng chỉ hành nghề, Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh dịch vụ tư vấn đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào nhu cầu dịch vụ tư vấn đầu tư trong từng thời kỳ để quyết định việc cấp Chứng chỉ hành nghề cho các doanh nghiệp tư vấn và phạm vi hoạt động của từng công ty dịch vụ tư vấn đầu tư.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ CÁC BÊN THAM GIA HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Điều 7

Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài phải thực hiện tư vấn theo đúng mục tiêu và nội dung quy định trong Chứng chỉ hành nghề hoặc Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh và hợp đồng ký với khách hàng.

Điều 8

Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh, Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài được thu phí dịch vụ theo thoả thuận với chủ đầu tư căn cứ vào quy mô, tính

chất dự án và nội dung tư vấn đầu tư. Trường hợp Doanh nghiệp cung cấp các loại dịch vụ mà Nhà nước có quy định khung giá thì thực hiện theo khung giá đó.

Điều 9

Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh, Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài phải thực hiện chế độ kế toán, thống kê và nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định hiện hành.

Điều 10

Bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh, Doanh nghiệp liên doanh phải tham gia bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 11

Hàng năm, các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh, Doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình hoạt động của mình. Báo cáo phải nêu rõ kết quả công việc tư vấn, tình hình tài chính... và những kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước (nếu có).

CHƯƠNG III

THỦ TỤC XIN CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ

TƯ VẤN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 12

Hồ sơ xin cấp Chứng chỉ hành nghề gồm:

Đơn xin cấp Chứng chỉ hành nghề (mẫu số 1 kèm theo);

Đề nghị của cơ quan ra quyết định thành lập Doanh nghiệp;

Giấy phép thành lập Doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có công chứng);

Điều lệ Doanh nghiệp;

Báo cáo về tình hình hoạt động của Doanh nghiệp trong hai năm gần nhất (nếu có);

Danh sách nhân viên, cộng tác viên, bản sao bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn, quá trình làm việc.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có thể yêu cầu cung cấp thêm các tài liệu khác để chứng minh năng lực hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài của Doanh nghiệp.

Điều 13

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo quyết định của mình cho Doanh nghiệp.

Trường hợp đơn và hồ sơ được chấp thuận, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Chứng chỉ hành nghề cho Doanh nghiệp (mẫu số 2 kèm theo).

Chứng chỉ hành nghề có giá trị trong thời hạn 5 năm kể từ ngày cấp. Hết thời hạn trên, Doanh nghiệp phải làm đơn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gia hạn.

Điều 14

Khi nộp đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề, doanh nghiệp phải nộp lệ phí theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG IV

THAY ĐỔI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15

Trong trường hợp muốn điều chỉnh, bổ sung những quy định trong Chứng chỉ hành nghề hoặc Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Doanh nghiệp phải gửi hồ sơ lên Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo quyết định của mình cho Doanh nghiệp.

Hồ sơ bao gồm đơn xin điều chỉnh, bổ sung Chứng chỉ hành nghề, Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh kèm theo báo cáo tình hình hoạt động của Doanh nghiệp từ ngày được phép hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài đến thời điểm xin điều chỉnh, bổ sung.

Điều 16

Hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài của Doanh nghiệp chấm dứt trong các trường hợp sau:

Hết thời hạn ghi trong Chứng chỉ hành nghề, Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh mà không được gia hạn.